

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 68/2023/HSST

Ngày: 21 - 12 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thống.

2. Bà Võ Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2023/HSST-QĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn N, sinh ngày 07/03/1980 tại tỉnh Tiền Giang; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 05/05/2022; nơi đăng ký thường trú: Khu phố B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Số D, Khu phố F, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1956 (Đã chết) và bà Võ Thị V, sinh năm 1961 ; vợ tên Bùi Thị H, sinh năm 1976 (Đã ly hôn) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định số

29/2023/QĐ-TA ngày 02/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông. Bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:* Lê Thị P, sinh năm 1976 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở hiện nay: Số D, Khu phố F, T, huyện B, tỉnh Long An.

+ Huỳnh Công T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn F, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi ở hiện tại: Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

+ Lê Huỳnh Thanh H1, sinh ngày 03/9/2007.

Người đại diện theo pháp luật: Lê Thị P, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Lê Nguyễn Thanh N1, sinh ngày 26/10/1998 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian cuối năm 2022, bị cáo Trần Văn N quen biết và thường xuyên nhắn tin qua lại với bị hại Lê Thị P thông qua Facebook tên Nguyễn Hoàng P1. Đến chiều tối ngày 05/5/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 63B1-165.43 đến nhà của chị P chơi; trên đường đi, bị cáo có mua theo bia và bánh để nhậu cùng với chị P. Lúc này, tại nhà chị P gồm có chị P, con gái chị P là Lê Huỳnh Thanh H1 và bạn của H1. Kế đó, bị cáo N ngồi nhậu đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị cáo N và chị P đi vào phòng ngủ. Tại đây, bị cáo thấy chị P có đeo 01 vòng tay bằng vàng nên nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị P, bị cáo N lấy ra sợi dây chuyền màu vàng (Ngon biết rõ là dây chuyền giả) mà N đang đeo và đeo lên cổ của chị P, N nói với chị P sợi chuyền vàng có trọng lượng là 03 cây vàng. Sau đó, N và chị P nằm trong phòng nói chuyện, N kêu chị P tháo chiếc vòng tay

trên tay trái của chị P đang đeo ra để N đeo thử và hứa hẹn sáng hôm sau sẽ mua lại cho chị P thêm một chiếc vòng giống như vậy. Do tin tưởng nên chị P đã tháo ra vòng tay ra và đưa cho bị cáo, N lấy vòng tay đeo vô tay trái của mình. Sau đó, bị cáo và chị P ngủ đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 06/6/2023, bị cáo và chị P thức dậy, bị cáo kêu chị P đi thay đồ để chờ đi ăn sáng và mua vàng nên chị P đi ra phía sau nhà để tắm và thay đồ; lúc này ở phía trước nhà N nhìn thấy có tiền và điện thoại di động của chị P để trên tủ Tivi nên N lấy trộm một cái điện thoại di động hiệu OPPO A3S 16GB Red bỏ vô túi quần bên phải, tiếp tục thấy có tiền Việt Nam được để trong cái tủ, gói trong bao nylon, có quần dây thung nên N lấy số tiền trên bỏ vô túi quần bên phải cùng với cái điện thoại, bị cáo bước ra mở cửa chính, dẫn xe ra phía trước rồi lên xe chạy đi về thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Tại đây, bị cáo đã lấy số tiền trộm từ nhà của chị P đếm được khoảng 3.020.000 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) tiêu xài cá nhân. Đối với điện thoại di động trộm cắp được, bị cáo bán lại cho một người mua đồ dạo với số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*), bị cáo không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể của người mua chiếc điện thoại này; riêng chiếc kiềng vàng, bị cáo bán cho tiệm V1 do anh Huỳnh Công T1 (sinh năm 1991, địa chỉ tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An) làm chủ với giá là 4.640.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*), bị cáo đã tiêu xài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình là dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chị P để chiếm đoạt 01 (*một*) chiếc kiềng tay bằng vàng 18K có trọng lượng là 3,3 chỉ vàng và lén lút trộm cắp tài sản của chị P gồm số tiền 3.020.000 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) cùng với 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S 16GB Red.

Vật chứng thu giữ: 01 (*một*) kính chắn gió của mũ bảo hiểm làm bằng nhựa màu đen có chữ "Napoli" và số "125".

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại là chị Lê Thị P yêu cầu bị cáo Trần Văn N bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tài sản bị thiệt hại với số tiền là 20.558.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Bị cáo Trần Văn N đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả toàn bộ số tiền trên cho bị hại P xong.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKSGCĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Trần

Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 49/CT-VKSGCĐ ngày 29 tháng 9 năm 2023, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo*” và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP*” \t "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/_blank" 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt Trần Văn N 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật hình sự về án treo*” và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP*” \t "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/_blank" 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 của bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt Trần Văn N 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng

án treo, thời gian thử thách từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt mà bị cáo phải chấp hành: Từ 15 (*Mười lăm*) tháng đến 21 (*Hai mươi một*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (*Ba mươi*) tháng đến 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo N đã bồi thường xong và tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu thêm nên không đặt ra xem xét.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) kính chắn gió của mũ bảo hiểm làm bằng nhựa màu đen có chữ "Napoli" và số "125".

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo có ý kiến, biết đã vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, hứa sẽ không vi phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng

đã thực hiện điều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Thị Thúy K vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ lời khai và không có yêu cầu gì. Do đó, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

1 Xét về hành vi thực hiện tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa đã làm rõ: Vào khoảng 10 giờ ngày 05/5/2023, bị cáo Trần Văn N đã thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đối với bị hại Lê Thị P2, tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc vòng tay bằng vàng 18Kv và vào khoảng 04 giờ, ngày 06/5/2023, bị cáo Trần Văn N đã thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” đối với bị hại Lê Thị P, tài sản bị chiếm đoạt là 3.020.000 đồng tiền Việt Nam và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S 16GB Red.

Theo kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 17/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Tiền Giang thì: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S 16GB Red mua vào ngày 03/02/2019, thời điểm định giá ngày 06/5/2023 có giá trị là 658.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) và 01 (một) chiếc kiềng tay (Vòng tay) bằng vàng 18K có trọng lượng là 3,3 chỉ vàng mua vào tháng 11/2022, thời điểm định giá ngày 06/5/2023 có giá trị là 11.385.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản bị hại.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông truy tố các bị cáo Trần Văn N về tội về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an

toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn thực hiện, chỉ với mục đích là cần có tiền tiêu xài cá nhân. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa cho toàn xã hội.

Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- + Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có
- + Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục hoàn toàn tổn thất cho bị hại; đồng thời, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) kính chắn gió của mũ bảo hiểm làm bằng nhựa màu đen có chữ "Napoli" và số "125".

5 Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

6 Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về Tội danh:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2/ Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 08 (T2) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N 10 (Mười) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tổng hợp hình phạt mà bị cáo phải chấp hành là 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) kính chắn gió của mũ bảo hiểm làm bằng nhựa màu đen có chữ "Napoli" và số "125".

Các vật chứng nêu trên được thể hiện theo quyết định chuyển giao vật chứng số 41/QĐ-VKSGCD ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông và biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/10/2023.

4/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị Trần Văn N có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Các bị cáo Trần Văn N, bị hại Lê Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thúy K, Huỳnh Công T quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 15 giờ 20 phút, ngày 21/12/2023, có mặt: bị cáo Trần Văn N, bị hại Lê Thị P, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Thúy K, Huỳnh Công T.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Công an huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Duy Mạnh